TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ MỘC CHÂU** TỈNH SƠN LA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - T do - Hạnh phúc**

Bản án số **29**/2025/DS-ST
Ngày 30-6-2025
V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tiện và ông Tường Duy Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Định, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Lý Hoàng Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2025 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2025, và quyết định hoãn phiên tòa số 28 ngày 18/6/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Tiểu khu 12, xã T, huyện M, tỉnh S.

Nay là: Tiểu khu 12, xã T, thị xã M, tỉnh S.

Bị đơn: Ông Hà Văn T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tiểu khu 12, xã T, huyện M, tỉnh S.

Nay là: Tiểu khu 12, xã T, thị xã M, tỉnh S.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Bà Mùi Thị K, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tiểu khu 12, xã T, huyện M, tỉnh S.

Nay là: Tiểu khu 12, xã T, thị xã M, tỉnh S.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Tiểu khu 12, xã T, huyện M, tỉnh S.

Nay là: Tiểu khu 12, xã T, thị xã M, tỉnh S.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản T khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Hoàng Văn T trình bày trình bày:*

Gia đình ông làm nghề kinh doanh buôn bán.

Từ năm 2017, 2018 và 2019 gia đình ông đã bán cho vợ chồng ông Hà Văn T và bà Mùi Thị K các mặt hàng tạp hóa các loại.

Mọi lần sau khi mua lấy hàng anh T sẽ thanh toán tiền lấy hàng của lần trước và lần lấy hàng tiếp theo lại nợ lại, nên hai bên chỉ ghi vào sổ nợ mà không có Giấy biên nhận.

Sau đó ông T không lấy hàng nữa và cũng không trả tiền nợ các lần nợ cho gia đình ông T nữa.

Do ông T không chịu trả nợ nên ngày 14/12/2019, ông T và ông T đã ghi biên bản nợ chốt nợ với nhau thì tổng số tiền vợ chồng ông T bà K lấy hàng từ năm 2017, 2018, 2019 chưa trả, còn nợ ông T là 65.600.000đ (Sáu mươi lăm triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Ông T đã đòi rất nhiều lần nhưng vợ chồng ông T, bà K cứ khất lần, không chịu trả.

Do vậy ông T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T, bà K phải trả số tiền gốc là 65.600.000đ (Sáu mươi lăm triệu, sáu trăm nghìn đồng). Trong biên bản nợ hai bên có thống nhất thỏa thuận lãi xuất là 1,2% theo tín dụng Ngân hàng, tính từ ngày 14/12/2019 đến nay.

Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Về án phí: Ông T đề nghị các bên phải chịu theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Hà Văn T trình bày:

Gia đình ông và chỗ gia đình ông T là chỗ quen biết, ngày 10/02/2021 tôi có mua của ông T 01 chiếc xe 03 bánh và tiền hàng mua thiết bị vệ sinh và 01 tẹc nước tổng cộng các khoản là 65.600.000đ (Sáu mươi lăm triệu, sáu trăm nghìn đồng), do ông chưa có tiền trả nên hai bên có viết biên bản nợ tiền và thống nhất lãi xuất là 1,2% trên năm, ông có thống nhất với ông T cuối năm 2021 sẽ thanh toán hết.

Mặc dù ông T có đến nhà đòi thanh toán nhưng do gia đình ông chưa có trả.

Tại phiên tòa ông đề nghị Tòa án xem xét cho ông mức lãi xuất như ông T đưa ra quá cao.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Mùi Thị K trình bày.

Bà là vợ ông T, gia đình bà và chỗ gia đình ông T là chỗ quen biết, ngày 10/02/2021, chồng bà là ông T có mua của ông T 01 chiếc xe 03 bánh và tiền hàng mua thiết bị vệ sinh và 01 tẹc nước tổng cộng các khoản là 65.600.000đ (Sáu mươi lăm triệu, sáu trăm nghìn đồng), do chồng bà chưa có tiền trả nên hai bên có viết giấy vay tiền và thống nhất lãi xuất là 1,2% trên năm, ông T có thống nhất với ông T cuối năm 2021 sẽ thanh toán hết.

Mặc dù ông T có đến nhà đòi thanh toán nhưng do gia đình bà chưa có nên chưa trả được.

Tại phiên tòa bà K cũng đề nghị Tòa án xem xét cho gia đình bà mức lãi xuất như ông T đưa ra quá cao.

Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị C trình bày.

Bà là em ông T, bà C xác nhận do chữ ông T xấu, nên ông T có nhờ bà viết hộ biên nhận nợ, trong biên nhận nợ hai bên có thống nhất lãi xuất của số tiền nợ 65.600.000đ là 1,2% tháng, do sơ xuất nên khi viết biên bản nợ bà không ghi trên tháng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, nghị án Thẩm phán và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về đường lối giải quyết vụ án:

Áp dụng Điều 274; khoản 1 Điều 275; Điều 280; Điều 287; khoản 1 Điều 288; Điều 463, 464, 465, 466, khoản 1 Điều 468 BLDS năm 2015:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 2, Điều 5 Nghị quyết số 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc ông Hà Văn T và bà Mùi Thị K có trách nhiệm trả cho ông Hoàng Văn T số nợ gốc là 65.600.000đ + 53.110.000đ tiền lãi, tổng cộng cả gốc và lãi là 118.710.000đ (Một trăm mười tám triệu, bảy trăm mười nghìn) đồng, cho ông Hoàng Văn T.

Về án phí: Ông Hà Văn T và bà Mùi Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.935.500đ *(Năm triệu,chín trăm ba mươi lăm nghìn, năm trăm đồng),* được nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Tuyên trả lại ông Hoàng Văn T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0002934 ngày 08/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án quá trình thụ lý xác định đây là vụ án dân sự về Kiện đòi tài sản, tuy nhiên quá trình giải quyết phát sinh việc tranh chấp về lãi xuất. Do vậy quan hệ pháp luật được xác định là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều cư trú tại tiểu khu 12, xã Tân Yên, thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La theo quy định khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Gia đình ông T làm nghề kinh doanh buôn bán các mặt hàng tạp hóa.

Từ năm 2017, 2018 và 2019 gia đình ông T đã bán cho vợ chồng ông Hà Văn T và bà Mùi Thị K các mặt hàng tạp hóa các loại.

Các bên có quy ước là sau khi ông T mua hàng hóa, ông T sẽ thanh toán tiền lấy hàng của lần trước và lần lấy hàng tiếp theo lại nợ lại, nên hai bên chỉ ghi vào sổ nợ các lần lấy hàng chốt thành tiền mà không có Giấy biên nhận.

Nhưng đến năm 2019 ông T không lấy hàng hóa ở cửa hàng ông T nữa và cũng không trả tiền nợ còn lại cho gia đình ông T nữa.

Do ông T không chịu trả nợ nên ngày 14/12/2019, ông T và ông T đã ghi biên bản chốt nợ với nhau thì tổng số tiền vợ chồng ông T bà K lấy hàng từ năm 2017, 2018, 2019 chưa trả còn nợ ông T là 65.600.000đ (Sáu mươi lăm triệu, sáu trăm nghìn đồng). Trong biên bản nợ hai bên có ghi lãi 1,2%, không ghi lãi trên tháng, hay trên năm, không có thời hạn thanh toán, có chữ kí của ông T và ông T.

Ông T đã đòi nhiều lần nhưng gia đình ông T, bà K khất lần nhưng không trả, do vậy ông T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T, bà K

có trách nhiệm trả cho ông số tiền gốc vay nợ là 65.600.000đ và lãi xuất theo thỏa thuận là 1,2%.

Quá trình giải quyết ông T, bà K xác nhận có nợ ông T số tiền 65.600.000đ, đồng thời có ý kiến đề nghị Tòa án xem xét mức lãi xuất (1,2%) như ông T đưa ra là quá cao, chỉ nhất trí trả tiền gốc.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 16/6/2025 ông Hoàng Văn T có lời khai bổ sung với nội dung, trong Biên bản nợ có ghi lãi xuất là 1,2% do sơ xuất không ghi lãi xuất trên tháng, trong bản T khai của ông có ghi lãi xuất là 1,2% trên năm, sau khi về xem lại ông thấy thấy không đúng như thỏa thuận ban đầu là lãi 1,2%/ tháng, nếu như lãi xuất 1,2% / năm thì ông quá thiệt thòi, tiền lãi không đủ tiền trả lãi vay quỹ tín dụng, để quyền lợi của ông không bị thiệt thòi ông T đề nghị Tòa án giải quyết khoản lãi của số tiền gốc vay 65.600.000đ theo quy định của pháp luật tính từ ngày vay 14/12/2019.

Tại phiên tòa ông T, bà K vẫn giữ nguyên ý kiến, đề nghị Tòa án xem xét cho vợ chồng ông mức lãi xuất 1,2% như ông T đưa ra là quá cao.

[3] Xét ý kiến của các bên đương sự.

Đối với việc khởi kiện của ông Hoàng Văn T và yêu cầu của ông T.

Việc ông T có đơn khởi kiện yêu cầu ông T, bà K trả cho ông số tiền vay 65.600.000đ là có căn cứ chấp nhận.

Mặc dù trong biên bản nợ ghi lãi xuất là 1,2% không ghi lãi xuất trên tháng hay trên năm, nhưng ông T đã có bản T khai trình bày bổ sung đề nghị Tòa án xem xét việc tính lãi xuất của số tiền gốc vợ chồng ông T, bà K nợ là 65.600.000đ, theo quy định của pháp luật tính từ ngày ghi biên bản nợ là ngày 14/12/2019.

[4] Việc áp dụng lãi xuất.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T đã trình bày do sơ xuất khi ghi lãi vào biên bản nợ đã ghi lãi 1,2% không ghi lãi trên tháng, nhưng thực tế là hai bên thống nhất lãi trên tháng, chứ không ai cho vay, nợ mà lãi lại là 1,2% trên năm. Nay ông T yêu cầu được tính lãi 1,2%/tháng như biên bản nợ để làm căn cứ giải quyết.

Căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định.

"1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực…"

Tại phiên tòa vợ chồng ông T, bà K vẫn đề nghị Tòa án xem xét về lãi xuất cho rằng lãi xuất 1,2% là quá cao đề nghị Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu của các bên thấy rằng.

Đối với việc ông T trình bày và đề nghị, do sơ xuất khi ghi lãi xuất không ghi lãi trên tháng là có căn cứ, bởi lẽ kể cả Ngân hàng và Quỹ tín dụng khi cho vay thì đều tính lãi trên tháng, nên ông có lời khai bổ sung trình bày về việc có sơ xuất khi ghi lãi do sơ xuất không ghi lãi trên tháng, đề nghị được tính lãi của số tiền ông T, bà K nợ lãi 1,2%/tháng. Với yêu cầu của ông T thấy rằng việc ông T trình bày về sơ xuất không ghi lãi trên tháng, tại phiên tòa ông T đề nghị Tòa án tính lãi xuất 1,2%/tháng của số tiền 65.600.000đ mà ông T, bà K đang nợ ông như các bên đã thỏa thuận trong biên bản nợ.

Căn cứ quy định của khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự và căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi xuất, phạt vi phạm thì mức lãi 1,2% / tháng như các bên thỏa thuận tính ra mới chỉ là 14,4%/năm, chưa vượt quá 20% theo quy định của pháp luật, Do đó yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn T về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đề nghị được tính lãi xuất của số tiền gốc 65.600.000đ và tiền lãi trên tháng là 1,2%. Là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi xuất, phạt vi phạm. Thì số tiền lãi của ông T được tính như sau.

Ngày xác lập biên bản nợ là ngày 14/12/2019, số tiền nợ 65.600.000đ (Sáu mươi lăm triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Tính đến ngày 30/6/2025, ngày xét xử là 05 năm 06 tháng 18 ngày bằng 2024 ngày.

Như vậy lãi trong hạn.

$$\frac{65.600.000đ \times 1,2\%/\text{tháng} \times 2024 \text{ ngày}}{30 \text{ ngày}} = 53.110.000đ \text{ tiền lãi.}$$

Do đó buộc vợ chồng ông Hà Văn T và bà Mùi Thị K có trách nhiệm trả cho ông Hoàng Văn T số tiền gốc là 65.600.000đ + với tiền lãi là 53.110.000đ, tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là = 118.710.000đ (Một trăm mười tám triệu, bảy trăm mười nghìn) đồng.

[6] Đối với bà Mùi Thị K mặc dù trong biên bản nợ không có chữ ký của bà, tuy nhiên quá trình giải quyết bà K đã công nhận vợ chồng bà có nợ của ông Hoàng Văn T số tiền là 65.600.000đ (sáu mươi lăm triệu, sáu trăm nghìn đồng), căn cứ khoản 1 Điều 37 Luật HN&GĐ năm 2014 quy định về nghĩa vụ C về tài sản của vợ chồng, nên bà Mùi Thị K có trách nhiệm cùng trả nợ với ông Hà Văn T số tiền cả gốc và lãi là 118.710.000đ (Một trăm mười tám triệu, bảy trăm mười nghìn) đồng, cho ông Hoàng Văn T.

[7] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn T được chấp nhận nên ông Hoàng Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Hoàng Văn T được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Ông Hà Văn T và bà Mùi Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 274; khoản 1 Điều 275; khoản 1, 2 Điều 280; khoản 1 Điều 288; khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 BLDS năm 2015:

Căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi xuất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn T về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tính lãi xuất 1,2%/ tháng.

Buộc ông Hà Văn T và bà Mùi Thị K có trách nhiệm trả cho ông Hoàng Văn T số nợ gốc là 65.600.000đ + 53.110.000đ tiền lãi, tổng cộng cả gốc và lãi là 118.710.000đ (Một trăm mười tám triệu, bảy trăm mười nghìn) đồng, cho ông Hoàng Văn T.

Kể từ ngày ông Hoàng Văn T có đơn yêu cầu ông Hà Văn T và bà Mùi Thị K thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho ông Hoàng Văn T cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Hà Văn T và bà Mùi Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.935.500đ *(Năm triệu,chín trăm ba mươi lăm nghìn, năm trăm đồng),* được nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Tuyên trả lại ông Hoàng Văn T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0002934 ngày 08/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, T nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự."

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND thị xã Mộc Châu;
- Chi cục THADS thị xã Mộc Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP – TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đỗ Như Khánh